

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2019/HNGĐ - ST.

Ngày: 03 - 9 - 2019.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Thanh H; sinh năm 1985; địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp B, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Liêng Sà M; sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lâm Quốc H; sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 20/3/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị Thanh H trình bày: Bà H và ông Liêng Sà M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 252, ngày 13/11/2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, ông M không lo làm ăn, thường uống rượu về đánh đập vợ con từ đó cuộc sống không hạnh phúc và sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, sau khi sống ly thân thì bà H và ông M không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà H và ông M có 03 người con chung là Liêng Thị Ngọc Quyên, sinh ngày 24/8/2004, Liêng Thị Kiều Trang, sinh ngày 15/7/2006 và Liêng Na Tô, sinh ngày 13/6/2012, hiện nay 03 người con chung sống chung với bà H; về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Nợ ông Lâm Quốc H số tiền mua phân bón và thuốc để trồng lúa là 11.935.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Dương Thị Thanh H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông Liêng Sà M; về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung đến khi thành niên và yêu cầu ông M cấp dưỡng cho con chung với mức cấp dưỡng là 750.000 đồng/01 cháu/tháng; về tài sản chung: Không có nên bà H không yêu cầu gì; về nợ chung: Do trong quá trình giải quyết vụ án ông Lâm Quốc H không yêu cầu gì nên bà H không có ý kiến và không yêu cầu gì về nợ chung.

- Đối với bị đơn ông Liêng Sà M: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông M, nhưng ông M không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông M 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông M vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Liêng Sà M đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quốc H trình bày: Trong thời gian vợ chồng bà Dương Thị Thanh H và ông Liêng Sà M còn sống chung với nhau thì ông M có mua phân bón và thuốc của ông H để trồng lúa và còn nợ ông H số tiền là 11.935.000 đồng. Tuy nhiên, ông H không tranh chấp cũng không yêu cầu độc lập trong vụ án khi nào ông H cần thu hồi nợ sẽ yêu cầu thành một vụ án dân sự khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quốc H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Liêng Sà M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quốc H chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Dương Thị Thanh H và ông Liêng Sà M đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề

ngهی Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 89, Điều 91, Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị Thanh H; về con chung: Giao cháu Liêng Thị Ngọc Q, cháu Liêng Thị Kiều Tr và cháu Liêng Na T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và ông Liêng Sà M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là 750.000 đồng/01 cháu/tháng; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Liêng Sà M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông M và ông H.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị Thanh H thay đổi yêu cầu khởi kiện về mức cấp dưỡng cho con chung và chỉ yêu cầu ông Liêng Sà M cấp dưỡng cho con chung với mức cấp dưỡng là 750.000 đồng/01 cháu/tháng x 03 cháu = 2.250.000 đồng/tháng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Dương Thị Thanh H và ông Liêng Sà M tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 252, ngày 13/11/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông M là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, bà H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H cho rằng nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, ông M không lo làm ăn, thường uống rượu về đánh đập vợ con từ đó cuộc sống không hạnh phúc và sau khi sống ly thân thì bà H và ông M không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải đề động viên vợ chồng bà H và ông M đoàn tụ với nhau nhưng ông M vẫn vắng mặt và bà H vẫn kiên quyết ly hôn với ông M vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà H và ông M đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà H xin ly hôn với ông M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 89 và Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông M.

[4] Về con chung: Bà Dương Thị Thanh H xác định trong thời gian chung sống, bà H và ông Liêng Sà M có 03 người con chung là Liêng Thị Ngọc Q, sinh ngày 24/8/2004, Liêng Thị Kiều Tr, sinh ngày 15/7/2006 và Liêng Na T, sinh ngày 13/6/2012; bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung đến khi thành niên. Xét thấy, từ khi bà H và ông M sống ly thân cho đến nay thì

cháu Q, cháu Tr và cháu T do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà H khẳng định đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cho con chung; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án khi ghi nhận ý kiến thì cháu Q, cháu Tr và cháu T đều có nguyện vọng được sống chung với bà H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Q, cháu Tr và cháu T, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu Q, cháu Tr và cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử dành quyền thăm nom con chung cho ông M; không ai được cản trở.

[5] Về việc cấp dưỡng cho con chung: Bà Dương Thị Thanh H yêu cầu ông Liêng Sà M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Liêng Thị Ngọc Q, cháu Liêng Thị Kiều Tr và cháu Liêng Na T với mức 750.000 đồng/01 cháu/tháng đến khi cháu Q, cháu Tr và cháu T thành niên. Xét yêu cầu cấp dưỡng của bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng, theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Như vậy, ông M là người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên ông M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Xét mức cấp dưỡng cho con chung mà bà H yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc ông M cấp dưỡng cho cháu Q, cháu Tr và cháu T với mức cấp dưỡng là 750.000 đồng/01 cháu/tháng x 03 cháu = 2.250.000 đồng/tháng; về phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 03/9/2019 đến khi cháu Q, cháu Tr và cháu T thành niên.

[6] Về tài sản chung: Bà Dương Thị Thanh H xác định trong thời gian chung sống bà H và ông Liêng Sà M không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Dương Thị Thanh H và ông Lâm Quốc H đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng bà H và ông Liêng Sà M có nợ ông H số tiền mua phân bón và thuốc để trồng lúa là 11.935.000 đồng. Tuy nhiên, ông H không yêu cầu độc lập trong vụ án để yêu cầu bà H và ông M trả nợ và bà H không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Dương Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Liêng Sà M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều

235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Thanh H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thanh H được ly hôn với ông Liêng Sà M.

1.2. Về con chung: Giao cháu Liêng Thị Ngọc Q, sinh ngày 24/8/2004, cháu Liêng Thị Kiều T, sinh ngày 15/7/2006 và cháu Liêng Na T, sinh ngày 13/6/2012 cho bà Dương Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Liêng Sà M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Q, cháu Tr và cháu T với mức cấp dưỡng là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/01 cháu/tháng x 03 cháu = 2.250.000 đồng (hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng; phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 03 tháng 9 năm 2019 cho đến khi cháu Quyền, cháu Trang và cháu Tô thành niên. Dành quyền thăm nom con chung cho ông Liêng Sà M; không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Bà Dương Thị Thanh H xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.4. Về nợ chung: Ông Lâm Quốc H không yêu cầu độc lập trong vụ án để yêu cầu bà Dương Thị Thanh H và ông Liêng Sà M trả nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Dương Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008314 ngày 12/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, hoàn trả cho bà Dương Thị Thanh H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ông Liêng Sà M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Cẩm Nhung